TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 444/2026/DS-ST
Ngày 30 – 7 – 2026
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trường

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 625/2026/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2026 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 618/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1993; Căn cước công dân số 096193009811, cấp ngày 31/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: Ấp Mỹ B, xã S, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Ngô Minh T1, sinh năm 1967 và bà Lê Ngọc H (Lê Thị H), sinh năm 1971; Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ B, xã S, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Ngô Minh T1 và bà Lê Ngọc H (Lê Thị H) là vợ chồng. Vào ngày 15/8/2020 âm lịch (viết tắt AL), vợ chồng bà H mở dây hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần vào ngày 15, dây hụi có 36 chân, chị T tham gia chơi một chân. Quá trình chơi hụi, chị T đã đóng được 27 kỳ hụi với số tiền là 54.000.000 đồng nhưng vào khoảng đầu năm 2023, vợ chồng bà H tuyên bố đình hụi. Sau đó, vợ chồng bà H có cam kết trả lại số tiền hụi đã đóng cho chị T và đã trả được cho chị T số tiền 15.500.000 đồng thì ngưng không trả nữa. Nay chị T yêu cầu vợ chồng bà H trả số tiền hụi còn nợ là 38.500.000 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu thêm khoản nào khác. Đồng thời, do bận công việc gia đình nên chị T xin vắng mặt trong các lần Tòa án xét xử vụ án.

Đối với ông Ngô Minh T1, bà Lê Ngọc H (Lê Thị H) là bị đơn trong vụ án tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng ông, bà không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T (nguyên đơn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, riêng nguyên đơn đã có lời khai và xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp về hụi. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hụi, bị đơn đã đình hụi nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền góp hụi cho nguyên đơn, nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc mở dây hụi vào ngày 15/8/2020 (AL) giữa các đương sự, tuy không đăng ký với chính quyền địa phương nhưng có lập danh sách hụi viên. Trong danh sách hụi viên có thể hiện cụ thể nội dung thỏa thuận về hụi gồm: Thời gian mở hụi, thời gian khui hụi, loại hụi, số hụi viên tham gia, số chân hụi nguyên đơn tham gia trong dây hụi và cam kết góp hụi khi hụi viên đã hốt hụi.

Mặc dù, bị đơn vắng mặt không có lý do và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ là tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào danh sách hụi viên, giấy cam kết trả nợ ngày 06/7/2025 có đủ cơ sở xác định việc nguyên đơn đã tham gia giao dịch hụi và hiện bị đơn còn nợ lại tiền hụi của nguyên đơn là có thật. Tuy bị đơn tuyên bố đình hụi nhưng đến nay, bị đơn vẫn chưa trả lại tiền hụi cho nguyên đơn theo đúng cam kết trả nợ ngày 06/7/2025 nên nguyên đơn yêu cầu trả số tiền hụi 38.500.000 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị T.

Buộc ông Ngô Minh T1, bà Lê Ngọc H (Lê Thị H) cùng có trách nhiệm trả cho chị Đặng Thị T số tiền 38.500.000 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, ông T1 cùng bà H không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Ngô Minh T1 và bà Lê Ngọc H (Lê Thị H) phải nộp số tiền là 1.925.000 đồng (một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng – chưa nộp).

Chị Đặng Thị T không phải nộp. Ngày 08/6/2026, chị T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 960.000 đồng (chín trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007480 được trả lại toàn bộ cho chị T.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 8, 9 và 11 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 33 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lâm Hoài Ân